

Bài học về lòng dân trong lịch sử triều đại nhà Hồ và triều đại nhà Lê Sơ*

LÊ THỊ BÍCH THUY^{**}

Tóm tắt: Bài học về lòng dân, “lấy dân làm gốc” trong lịch sử dựng nước và giữ nước của các triều đại phong kiến Việt Nam đã trở thành những bài học kinh nghiệm quý báu được truyền tụng trong đời sống xã hội và được sử sách ghi lại. Có những bài học “lòng dân không theo” phải trả bằng xương máu và những bài học “lấy dân làm gốc” thành công đầy tự hào, tạo nên sự thịnh vượng của vương triều, sự vững mạnh của đất nước. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bài học truyền thống về lòng dân, “lấy dân làm gốc” trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam vẫn còn nguyên giá trị. Bài viết điểm lại những bài học về lòng dân trong lịch sử triều đại nhà Hồ và nhà Lê Sơ để rút ra bài học kinh nghiệm “lấy dân làm gốc” được Đảng ta thực hiện trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Từ khoá: lòng dân, lấy dân làm gốc, triều đại nhà Hồ, triều đại nhà Lê Sơ.

1. Nhà Hồ và bài học về “lòng dân không theo”

Triều đại nhà Hồ bắt đầu được thiết lập vào giai đoạn cuối của triều đại nhà Trần khi đất nước Đại Việt đang khủng hoảng trên nhiều lĩnh vực và đối diện với hiểm hoạ giặc ngoại xâm. Năm 1400, Hồ Quý Ly lên ngôi sau khi giành được quyền lực từ tay nhà Trần, đổi Quốc hiệu Đại Việt thành Đại Ngu và lấy thành Tây Đô làm kinh đô. Triều đại nhà Hồ kéo dài 7 năm, trải qua hai đời vua và chấm dứt khi Hồ Hán Thương bị quân Minh bắt vào năm 1407.

Hồ Quý Ly là người có tham vọng lớn và

muốn xây dựng một nền văn hóa dân tộc nên sau khi lên làm vua, ông đã tiến hành cải cách trên nhiều phương diện của đời sống xã hội như: chính sách hạn điền, hạn nô, phát hành tiền giấy, định lại thuế khoá, chấn chỉnh lại việc học tập và khoa cử, mở rộng lãnh thổ về phía Nam, tổ chức cho nhân dân đi khai khẩn, mở mang hệ thống giao thông, thủy lợi, xây dựng thành lũy, phát triển quân đội, chế độ vũ khí,... Tuy nhiên, khi kinh tế - xã hội đất nước chưa kịp vực dậy thì giặc ngoại xâm đã đến. Nhà Hồ mặc dù có sự chuẩn bị về mặt quân sự trước đó nhưng do quân giặc đông, thế mạnh và lúc này nhà Hồ không được lòng

* Nghiên cứu này được thực hiện từ nguồn kinh phí của đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2021 “Quản lý văn hoá của các triều đại phong kiến Việt Nam”, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

** TS. Lê Thị Bích Thủy, Viện văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

dân nên không đoàn kết được sức mạnh tổng thể của toàn dân tộc, tướng Hồ Nguyên Trừng, Hồ Đổ, Hồ Xạ và một bộ phận nhân dân dù chiến đấu anh dũng, quyết liệt nhưng vẫn bị thất thủ ở Hàm Tử. Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương dẫn các tướng và quan lại vượt biển trở về Tây Đô (Thanh Hoá). Tháng 5/1407, quân Minh tấn công Tây Đô, Hồ Quý Ly cùng quần thần chạy vào Nghệ An. Cuối cùng, quân Minh bắt được vua quan nhà Hồ ở cửa biển Kỳ La, Cao Vọng (huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh). Tháng 6/1407, cuộc kháng chiến của quân nhà Hồ hoàn toàn thất bại, đất nước rơi vào ách đô hộ của nhà Minh, “thui dân đen trên lò lửa bạo ngược; hãm con đỏ dưới hố tai ương”⁽¹⁾. Khi đánh giá về thất bại của triều đại nhà Hồ, có rất nhiều ý kiến khác nhau nhưng đều thống nhất về nguyên nhân thất bại của nhà Hồ là không được lòng dân. Nguyễn Trãi trong Bình Ngô Đại cáo đã đánh giá “Vì họ Hồ chính sự phiền hà; Để đến nỗi lòng người oán hận”⁽²⁾. Hồ Quý Ly là người lãnh đạo tài ba, biết nhìn xa trông rộng nhưng lại không được lòng dân và khi có giặc ngoại xâm thì không tập hợp được sức mạnh của nhân dân. “Hồ Quý Ly vẫn được cả đương thời và hậu thế đánh giá là người có tư tưởng mới, là nhà chính trị thực tiễn, là người thông minh quyết đoán... nhưng không nhận được sự ủng hộ của nhân dân, không tập hợp được khối đại đoàn kết toàn dân, chính vì thế, sự nghiệp của ông trở nên dang dở”⁽³⁾.

Việc Hồ Quý Ly phế truất ngôi nhà Trần và thiết lập nên vương triều nhà Hồ đã gây nên sự phản ứng quyết liệt của giới sĩ phu đương thời, những hành động thanh trừng tàn bạo đối với nhiều người tài của giới quý tộc nhà Trần đã khiến cho giới quý tộc phẫn uất, làm mất lòng tin của nhân dân và không thu phục được lòng dân. Nhiều chính sách cải cách của nhà Hồ hướng tới mục đích bảo vệ vương triều, củng cố quyền

lực nhà nước, phục vụ chiến tranh mà không phải hướng tới phát triển kinh tế, không vì đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, không tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chống giặc ngoại xâm mà ngược lại những chính sách đó đã khiến cho dân phu, binh lính phải lao dịch khổ sở, khiến cho binh sĩ bất mãn, đời sống nhân dân lầm than nên “nhân tâm ly tán”, nhân dân bất an và sợ hãi... Để phòng thủ hiểm họa xâm lăng từ phương Bắc, nhà Hồ đã cho xây dựng thành lũy kiên cố với nhiều tuyến phòng thủ kéo dài. Hồ Quý Ly chủ trương xây dựng lực lượng quân đội đông đảo và trang bị vũ khí chiến lược tốt nhất, hiện đại nhất lúc bấy giờ là *Thần cơ thương pháo* và *Cổ lâu thuyền* do Hồ Nguyên Trừng chế tạo. Khi quân nhà Minh gây rối và xâm lược với chiêu bài “phù Trần, diệt Hồ”, Hồ Quý Ly đã triệu tập quan lại các sứ lộ về họp bàn cùng các quan lại ở kinh đô để bàn việc nên đánh hay nên hòa. “Có người khuyên nên đánh, chớ để làm mối lo ngày sau. Trấn thủ Bắc Giang Nguyễn Quân cho là nên tạm hòa, chiêu theo những điều chúng (Giặc Minh) muốn để hoãn binh thì hơn. Tả tướng quốc Trừng nói: “Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo thôi!”⁽⁴⁾. Mặc dù nhà Hồ đã chuẩn bị chu đáo xây thành cao, hào sâu, lực lượng quân đội đông và tinh nhuệ, vũ khí trang bị hiện đại, binh sĩ anh dũng chống xâm lăng nhưng “lòng dân không theo” nên vua tôi nhà Hồ đã bại trận, đất nước rơi vào tay giặc Minh.

2. Nhà Lê Sơ và bài học về “lấy dân làm gốc”

Khởi nghĩa Lam Sơn chống lại sự đô hộ của nhà Minh do Lê Lợi lãnh đạo kéo dài 10 năm giành thắng lợi, sau ngày *Bình Ngô đại cáo*, kỉ nguyên mới của nước Đại Việt bắt đầu. Năm 1428, Lê Lợi tự xưng là Thuận Thiên Thừa Vận Duệ Văn Anh Vũ

Đại Vương, lấy hiệu là Lam Sơn Động chủ, sử gọi là Lê Thái Tổ - vị vua đầu tiên mở đầu triều đại Lê Sơ đã nhanh chóng triển khai công việc quản lý đất nước thời hậu chiến, khắc phục hậu quả chiến tranh. Ông đổi quốc hiệu từ Giao Chỉ thành Đại Việt, đóng đô ở Đông Quan (Thăng Long), đổi kinh thành Thăng Long thành Đông Kinh, Tây Đô thành Tây Kinh, về sau Tây Kinh đều gọi là Lam Kinh. Thời Lê Sơ trị vì đất nước trong vòng 100 năm (1428-1527) và trải qua 10 đời vua. Các bậc quân vương nhà Lê Sơ luôn thấm nhuần tư tưởng nhân nghĩa, lấy dân làm gốc “quốc dĩ dân vi bản” nên những chủ trương, chính sách cải cách thời kỳ này tập trung phát triển kinh tế và chăm lo cải thiện đời sống của nhân dân.

Dưới ách thống trị của nhà Minh, đời sống của người dân Đại Việt rất cực khổ, kinh tế nông nghiệp tan hoang, thiếu hụt lực lượng lao động, nhân dân phiêu bạt,... Sau khi lên ngôi, vua Lê Thái Tổ cho một bộ phận binh lính về quê làm ruộng để nhanh chóng phục hồi và phát triển nông nghiệp, một phần binh lính còn lại chia làm nhiều phiên thay nhau về quê sản xuất nông nghiệp. Nhà Lê cũng kêu gọi nhân dân phiêu tán về quê làm ruộng: “Cho nhân dân phiêu bạt được về quê quán cây cấy. Người nào không có điền sản thì cho phép buôn bán”⁽⁵⁾, đặt ra một số chức quan chăm lo về nông nghiệp như Khuyến nông sứ, Hà đê sứ, Đồn điền sứ “Các quan ty làm việc ở ngoài nếu không biết làm việc lợi, trừ việc hại để dân trăm họ phải phiêu bạt đi nơi khác, hộ khẩu hao hụt,... thì xử tội bãi chức hay tội đồ”⁽⁶⁾, và ban hành chính sách chia ruộng đất công làng xã. Vua Lê Thái Tổ ban hành *Quản điền chế* khiến cho mọi tầng lớp nhân dân đều có ruộng, sự phục hưng đồng đều dần đi lên, cấm giết trâu bò bừa bãi, cấm điều động dân phu trong mùa cấy gặt. Nhà Lê còn đẩy mạnh việc lập đồn điền, khai

hoang nhằm khai thác những vùng đất mới. Bên cạnh đó, các vị vua nhà Lê Sơ còn chủ trương giảm nhẹ tô thuế, cứu tế dân nghèo khi gặp khó khăn, quy định cấm điều động dân phu xây dựng các công trình khi đến mùa vụ, những kẻ trộm trâu, giết bò làm ảnh hưởng đến sức kéo trong nông nghiệp sẽ bị trừng phạt,... Triều đình quan tâm đến việc phát triển thương nghiệp, các nghề thủ công như dệt lụa,繅 tơ, nghề mộc, nghề chạm khắc, nghề gốm, nghề đúc đồng,... ngày càng phát triển. Các làng nghề truyền thống ở các làng xã chuyên nghiệp nổi tiếng ra đời. Nhờ chính sách nông nghiệp tích cực, đời sống của người dân được đảm bảo, ổn định, dân số ngày càng tăng và nhiều làng mới được thành lập, kinh tế nhanh chóng được khôi phục.

Ngay sau khi kết thúc chiến tranh, vua Lê Thái Tổ rất quan tâm đến phát triển giáo dục và đào tạo nhân tài. Nhà vua cho mở lại *Quốc Tử Giám* để cho con cháu quan viên và những người dân có khả năng vào học tập, mở nhà học và mời thầy dạy Nho học ở các Phủ và các Lộ. Triều đình tuyển chọn người có tài, có đạo đức để làm thầy giáo và nội dung học tập, thi cử là sách của nhà Nho. Học chế thời Lê được mở rộng, tài liệu học tập gồm Tứ Thư, Ngũ kinh, Bắc sử. Việc thi cử được tổ chức thường xuyên, nhiều tiến sĩ, trạng nguyên đỗ đạt và thành danh. Nền giáo dục - khoa cử Nho học thời kỳ này tạo điều kiện cho dân thường được tham gia học tập và có khả năng đỗ đạt, làm quan. Bên cạnh đó, triều đình nhà Lê Sơ cũng quan tâm đến phát triển văn hoá với phương châm sử dụng lễ nghĩa để sửa tốt lòng dân. Năm 1461, vua Lê Thánh Tông định ra *Huấn dân đại cáo* và năm 1499, vua Lê Hiến Tông “làm cho sáng tỏ” với tên gọi *Huấn điều* với mục đích thống nhất đạo đức, phong tục ngày một phát triển, ngăn ngừa sự thiên lệch, việc trị an được dài lâu và nghiệp lớn mãi tiến lên.

Triều đình nhà Lê Sơ chú trọng xây dựng và sử dụng pháp luật để trừ ác, bảo vệ cuộc sống bình an của nhân dân: “Từ xưa đến nay trị nước phải có pháp luật, người mà không có pháp luật để trị thì sẽ loạn”⁽⁷⁾. Bộ *Quốc triều hình luật* của nhà Lê được hoàn thiện trong thời vua Lê Thánh Tông và được gọi là *Luật Hồng Đức*. Vua Lê Thánh Tông lấy những quan điểm của Nho giáo làm hệ tư tưởng, chỉ đạo biên soạn, ban hành luật pháp nhằm thể chế hoá một nhà nước phong kiến Đại Việt với truyền thống nhân nghĩa, lấy dân làm gốc. Các vị vua nhà Lê Sơ luôn ý thức trong việc giám sát, hoàn thiện chính sách, pháp luật đảm bảo lợi ích của nhân dân: “Nếu thấy trăm có chính lệnh hà khắc, thuế má nặng nề, ngược hại lương dân, thưởng công, phạt tội không đúng, không theo đúng phép xưa, hay các đại thần, quan lại tương hiệu, quan chức trong ngoài không giữ phép, nhận hối lộ, nhiễu hại lương dân, thiên tư phi pháp, thì phải lập tức dâng sớ đàn hặc ngay”⁽⁸⁾. Nhà Lê Sơ cũng đưa ra nhiều chỉ dụ, sắc lệnh và điều luật nghiêm khắc đối với quan lại để chấn chỉnh, chống sách nhiễu nhân dân. Quan lại phải “giữ mình liêm khiết gắng sức việc công, yêu quý thương dân, nếu còn mê muội không chừa bị người tố cáo hoặc xét được thực trạng thì trị tội nặng hơn luật thường hai bậc”⁽⁹⁾. Dựa vào hình luật được ban bố, triều đình nghiêm trị những quan lại tham ô, ức hiếp dân chúng: “Hễ kẻ nào nhận một quan tiền hối lộ thì chém không tha”⁽¹⁰⁾. Nhiều điều khoản của *Luật Hồng Đức* đã thể hiện chi tiết, rõ ràng, cụ thể thái độ tôn trọng sức dân, chú ý đến lòng dân, quan tâm đến của cải của người dân và trách nhiệm của triều đình, nhà vua phải quan tâm đến đời sống nhân dân, phải làm cho nhân dân có tài sản và “biết nghe tiếng nói oan khiên của người dân”. Nhận thức rõ vai trò của nhân dân trong sự tồn

tại của vương triều, nhà Lê Sơ đã có những chính sách an dân, “lấy dân làm gốc” để phát triển kinh tế, ổn định xã hội, chăm lo đời sống nhân dân, tạo nên sự thanh bình, thịnh trị trong xã hội.

3. Bài học kinh nghiệm về vấn đề lòng dân trong giai đoạn hiện nay

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bài học kinh nghiệm về vấn đề lòng dân của triều đại nhà Hồ và nhà Lê Sơ vẫn còn nguyên giá trị. Bài học truyền thống “lấy dân làm gốc” trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã chứng minh triều đại nào biết dựa vào dân, quan tâm, chăm lo đến đời sống của nhân dân, lắng nghe tiếng nói của nhân dân, đảm bảo quyền lợi của nhân dân thì vương triều đó thịnh trị. Ngược lại, triều đại nào không quan tâm đến nhân dân, “lòng dân không theo” thì vương triều đó sẽ suy vong và mất nước.

Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, trên báo *Cửu quốc* số 65 ra ngày 12/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh. Hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý. Nói tóm lại, muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thảy”⁽¹¹⁾. Trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta tiếp tục xác định tư tưởng “lấy dân làm gốc” là cơ sở cho việc hoạch định đường lối phát triển bền vững đất nước. Đảng ta khẳng định luôn đảm bảo và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, đảm bảo tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân và

nhân dân thực sự là chủ thể của đất nước. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đều phải xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân, phải khơi dậy được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Người dân phải được tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, đặc biệt là những văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh: “Hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường sự đồng thuận xã hội”⁽¹²⁾.

Để hoàn thành thắng lợi công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, cần thiết phải đảm bảo và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chăm lo đến đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc,... Trong công cuộc đổi mới đất nước, những chủ trương, chính sách của Đảng phải quan tâm đến quyền lợi của nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân và cần phải tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về công cuộc đổi mới được nhân dân đồng tình, ủng hộ để tạo nên sức mạnh trong tổ chức thực hiện. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh một trong những nhiệm vụ tâm trọng nhiệm kỳ Đại hội XIII: “Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là việc thực thi tinh thần “thượng tôn pháp luật”, gương mẫu tuân theo pháp

luật, kỷ cương và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên; tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc”⁽¹³⁾.

Kế thừa và phát huy bài học truyền thống “lấy dân làm gốc” trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, Đảng ta luôn nhận thức sâu sắc về vai trò to lớn của nhân dân, thường xuyên chăm lo xây dựng và củng cố mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, Đảng ta khẳng định: “Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội”⁽¹⁴⁾.

CHÚ THÍCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1976), *Nguyên Tịch toàn tập*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội, tr.77.
2. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội, 1998, tr.283.
3. Phạm Duy Đức, Vũ Thị Phương Hậu (2019), *Nguyên nhân sụp đổ của các triều đại phong kiến Việt Nam - Những bài học rút ra từ lịch sử*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội, 2019, tr. 181.
- 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện sử học (1998), *ltdđ*, tr.211.267, 113, 291, 300, 361, 333.
11. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia - sự thật. Hà Nội, 2011, tr.51.
12. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 79.
- 13, 14. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 202, tr.118.